TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11. 10. 2018
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga;

2. Ông Tôn Phước Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 635/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2018/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 300, tổ 11, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Dương Thị Ngọc D, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 300, tổ 11, ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Anh và chị D chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân do hai người tự tìm hiểu. Anh chị sống hạnh phúc được 08 năm thì xảy ra mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nhiều lần cự cãi, chị D không lo làm ăn chỉ biết đi chơi với bạn bè không quan tâm đến gia đình. Anh chị không còn sống chung từ tháng 3/2018 đến nay không tới lui thăm nhau. Gia đình hai bên không dàn xếp. Nay nhận thấy tình cảm không còn, anh yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ý N, sinh ngày 05/9/2001, Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/4/2013. Hiện cháu N, cháu V đang sống chung với chị D. Khi ly hôn, anh đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Dương Thị Ngọc D trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh Đ về thời gian chung sống. Trong quá trình chung sống vẫn hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân anh Đ yêu cầu ly hôn vì anh tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nhưng vẫn tới lui, anh chị không đăng ký kết hôn. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn, chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ý N, sinh ngày 05/9/2001, Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 02/4/2013. Hiện cháu Nhi, cháu Vy đang sống chung với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện chị Dương Thị Ngọc D cư trú ấp K, xã T, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về hôn nhân: Anh Đ và chị D sống chung với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ

vào Điều 14 Luật hôn gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không công nhận anh Đ và chị D là vợ chồng.

3. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ý N, sinh ngày 05/9/2001, Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/4/2013. Hiện cháu N, cháu Vy đang sống chung với chị D. Khi ly hôn, anh Đ đồng ý để chị D được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, cháu V. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy ý kiến về nguyện vọng của cháu N thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị D khi ba mẹ ly hôn. Do đó, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của cháu N là được sống chung với chị D.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Ngọc D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. *Về tài sản chung:* Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

6. Về nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh Đ và chị D thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

7. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn Đ và chị Dương Thị Ngọc D là vợ chồng.

Về con chung: Chị Dương Thị Ngọc D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ý N, sinh ngày 05/9/2001, Nguyễn Tường V, sinh ngày 02/4/2013.

Chị Dương Thị Ngọc D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Dương Thị Ngọc D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh Đ và chị D thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000115 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Anh Đ không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.